

# Sách Đa-ni-ên - Số bốn mươi ba

*Vén màn ý nghĩa biểu tượng của sự ghê tởm gây hoang tàn trong lời tiên tri Kinh Thánh*

Jeff Pippenger  
2024-01-07

Việc Phao-lô xác định La Mã ngoại giáo là quyền lực đã kiềm chế không cho chế độ giáo hoàng trỗi dậy nắm quyền vào năm 538 đã trở thành lời chứng mà William Miller nhận ra, qua đó ông xác lập "lễ hằng ngày" trong sách Đa-ni-ên như đại diện cho ngoại giáo. Khuôn khổ của William Miller dựa trên hai quyền lực gây hoang tàn: ngoại giáo, tiếp theo là chủ nghĩa giáo hoàng. Khám phá quan trọng nhất của Miller để ủng hộ khuôn khổ đó là lời chứng của Phao-lô trong 2 Tê-sa-lô-ni-ca, chương hai, nơi Phao-lô xác định rằng sự kiềm chế đối với chế độ giáo hoàng, do La Mã ngoại giáo tạo ra, sẽ bị cất bỏ, để "người tội ác" được đặt trong đền thờ Đức Chúa Trời, tỏ ra chính mình là Đức Chúa Trời.

Trong sách Đa-ni-ên, biểu tượng "sự hằng ngày" đại diện cho ngoại giáo luôn được tiếp nối bởi một biểu tượng của chế độ giáo hoàng, dù nó được trình bày như "sự phạm thượng gây hoang tàn" hay "sự góm ghiếc gây hoang tàn". Thế nhưng, trong lời cảnh báo của Đấng Christ dành cho các Cơ Đốc nhân về cuộc vây hãm và hủy diệt Giê-ru-sa-lem diễn ra trong ba năm rưỡi từ năm 66 đến 70 SCN, Ngài đã nói đến "sự góm ghiếc gây hoang tàn, điều đã được nhà tiên tri Đa-ni-ên nói đến" như dấu hiệu để các Cơ Đốc nhân ở Giê-ru-sa-lem lập tức chạy trốn. Lịch sử xác định rằng dấu hiệu ấy không phải là biểu tượng của La Mã giáo hoàng, mà là của La Mã ngoại giáo. Dấu hiệu ấy cần được những người trung tín nhận ra, nếu họ muốn tránh khỏi cuộc vây hãm và tàn phá. Vậy "sự góm ghiếc gây hoang tàn, điều đã được nhà tiên tri Đa-ni-ên nói đến" là biểu tượng của La Mã ngoại giáo hay La Mã giáo hoàng?

Vậy khi các người thấy điều ghê tởm gây hoang tàn, mà tiên tri Đa-ni-ên đã nói đến, đứng tại nơi thánh (ai đọc, hãy hiểu), bấy giờ ai ở Giu-đê hãy chạy trốn lên các núi. Ai ở trên mái nhà chớ xuống để lấy vật gì trong nhà. Ai ở ngoài đồng cũng chớ quay về lấy áo xống. Khốn cho những người mang thai và cho con bú trong những ngày ấy! Nhưng hãy cầu nguyện cho việc chạy trốn của các người đừng xảy ra vào mùa đông, cũng đừng vào ngày Sa-bát. Vì bấy giờ sẽ có hoạn nạn lớn, như chưa từng có từ khi tạo dựng thế gian cho đến nay, và cũng sẽ không bao giờ có nữa. Và nếu những ngày ấy không được rút ngắn, thì sẽ không một người nào sống sót; nhưng vì những người được chọn, những ngày ấy sẽ được rút ngắn. Ma-thi-ơ 24:15-22.

Bà White bình luận về cách lời cảnh báo này đã được ứng nghiệm trong lịch sử sự hủy diệt Giê-ru-sa-lem từ năm 66 đến 70 SCN, và bà xác định rằng lá cờ, hay tiêu kỳ của quân đội La Mã, là dấu hiệu để các Cơ Đốc nhân còn ở Giê-ru-sa-lem phải chạy trốn. Vậy thì, "sự góm ghiếc hoang tàn mà tiên tri Đa-ni-ên đã nói đến" là La Mã ngoại giáo hay là La Mã giáo hoàng, như khuôn khổ mà Miller đã dựa vào?

William Miller được dẫn dắt để hiểu cả hai diện mạo của La Mã (ngoại giáo rồi đến giáo hoàng), nhưng ông bị bối cảnh lịch sử mà mình đang sống buộc phải xem cả hai vương quốc như một

vương quốc. Và dĩ nhiên, chúng là một vương quốc, nhưng chúng cũng đại diện cho hai vương quốc nối tiếp nhau. Bị lịch sử tiên tri năm 1798 chi phối, Miller buộc phải coi La Mã chủ yếu là một vương quốc. Vào năm 1798, Miller tin rằng Sự Tái Lâm của Đấng Christ còn khoảng hai mươi lăm năm nữa. Ông biết rất rõ rằng La Mã giáo hoàng đã nhận một vết thương chí tử vào năm 1798. Đối với Miller, sẽ không còn vương quốc trần thế nào kế tiếp La Mã giáo hoàng, vì Đấng Christ sắp trở lại.

Trong bối cảnh lịch sử nơi Miller sống, ông hiểu rằng pho tượng trong chương hai của sách Daniel đại diện cho bốn vương quốc trần thế, vì đó là điều Daniel đã làm chứng.

Và vương quốc thứ tư sẽ mạnh như sắt; vì sắt bẻ gãy và khuất phục mọi sự; và như sắt làm vỡ tan tất cả những điều ấy, nó sẽ bẻ vụn và nghiền nát. Còn như người đã thấy các bàn chân và các ngón chân, phần bằng đất sét của thợ gốm, phần bằng sắt, thì vương quốc ấy sẽ bị chia rẽ; nhưng trong đó vẫn có sức mạnh của sắt, vì người đã thấy sắt trộn lẫn với đất sét nhão.

Đa-ni-ên 2:40, 41.

Miller hiểu rằng chỉ có bốn vương quốc, và vương quốc thứ tư, cũng là vương quốc cuối cùng, là La Mã, mà ông biết từ lịch sử là La Mã ngoại giáo rồi đến La Mã giáo hoàng. Đối với Miller, vương quốc thứ tư, phù hợp với lời của Đa-ni-ên, là “bị chia rẽ”, nhưng với ông, sự chia rẽ ấy chỉ biểu thị sự phân biệt giữa khía cạnh theo nghĩa đen và khía cạnh thuộc linh của vương quốc La Mã. Ông đã đúng, nhưng sự hiểu biết của ông còn hạn chế.

Miller đã không thấy rằng sự phân chia giữa La Mã ngoại giáo và La Mã giáo hoàng dựa trên sự phân chia mà Phao-lô đã được dấy lên để xác định. Phao-lô (và Giăng Báp-tít) đã xác định rằng vào thời kỳ của thập tự giá, những điều thuộc nghĩa đen phải chuyển sang thuộc linh. Không có sự hiểu biết ấy, Miller buộc phải chấp nhận rằng La Mã về bản chất là một vương quốc có hai giai đoạn. Và dĩ nhiên, ông đúng (nhưng có giới hạn). Ông không thấy rằng La Mã thuộc linh được tượng trưng bởi Ba-by-lôn theo nghĩa đen, vì La Mã thuộc linh (chế độ giáo hoàng) cũng là Ba-by-lôn thuộc linh.

Ba-by-lôn theo nghĩa đen, với tư cách là vương quốc thứ nhất trong bốn vương quốc ở Đa-ni-ên đoạn 2, sẽ tiêu biểu cho vương quốc thứ tư, vì vương quốc đầu tiên luôn tiêu biểu cho vương quốc cuối cùng. Rô-ma ngoại giáo đã được tiêu biểu bởi Ba-by-lôn, nhưng cả Rô-ma ngoại giáo lẫn Ba-by-lôn đều tiêu biểu cho Rô-ma thuộc linh (chế độ giáo hoàng). Vì vậy, chế độ giáo hoàng là vương quốc thứ năm, và nó được tượng trưng bởi Ba-by-lôn. Đây là một lý do căn bản vì sao Bà White so sánh thời kỳ lưu đày của Y-sơ-ra-ên theo nghĩa đen tại Ba-by-lôn trong bảy mươi năm với thời kỳ lưu đày của Y-sơ-ra-ên thuộc linh trong Ba-by-lôn thuộc linh suốt một nghìn hai trăm sáu mươi năm.

"Hội thánh của Đức Chúa Trời trên đất quả thật đã ở trong cảnh giam cầm suốt thời kỳ dài bị bách hại không ngừng, cũng như con cái Israel đã bị giam cầm tại Babylon trong thời kỳ lưu đày." Prophets and Kings, 714.

Vì vậy, Miller không gặp vấn đề gì khi hoán đổi các ứng nghiệm tiên tri vốn xác định La Mã ngoại giáo một cách cụ thể hơn với La Mã giáo hoàng. Chúng tôi sẽ đưa ra ví dụ trong phần tiếp theo,

nhưng nếu hiểu rằng Miller xem La Mã ngoại giáo và La Mã giáo hoàng là một vương quốc, ta có thể hiểu vì sao ông không thấy khó khi Chúa Giê-su nhắc đến “sự góm ghiếc tàn phá, mà tiên tri Đa-ni-ên đã nói,” như là một sự ứng nghiệm của La Mã ngoại giáo, đồng thời vẫn hiểu cụm từ “sự góm ghiếc tàn phá” trong sách Đa-ni-ên như một biểu tượng của La Mã giáo hoàng. Miller đã không nhận ra ba thế lực tàn phá, và vì lý do này, khung giải thích tiên tri của ông bị hạn chế, tuy vẫn chính xác.

Nhưng chúng ta phải hiểu thế nào về sự bất nhất trong sự ứng nghiệm lịch sử vào năm 66 CN, khi La Mã ngoại giáo đặt các quân kỳ của mình trong khuôn viên thánh của đền thờ để ứng nghiệm lời tiên báo của Đấng Christ? “Điều góm ghiếc gây nên sự hoang tàn, mà tiên tri Đa-ni-ên đã nói,” là biểu tượng của La Mã ngoại giáo hay La Mã giáo hoàng? Lời giải cho thể tiến thoái lưỡng nan ấy khá đơn giản khi bạn nhận ra có ba quyền lực gây hoang tàn, chứ không chỉ hai. Chúng ta nên bắt đầu với phần bình luận của Bà White về sự ứng nghiệm lời tiên báo của Đấng Christ liên quan đến sự hủy diệt Giê-ru-sa-lem.

Việc người Do Thái đóng đinh Đức Kitô đã kéo theo sự hủy diệt của Giê-ru-sa-lem. Máu đổ trên đồi Can-vê là sức nặng đã nhấn chìm họ vào diệt vong cho đời này và đời sau. Cũng sẽ như thế trong ngày sau hết vĩ đại, khi sự phán xét giáng xuống trên những kẻ khước từ ân sủng của Thiên Chúa. Đức Kitô, tảng đá vấp phạm của họ, bấy giờ sẽ hiện ra với họ như một ngọn núi báo oán. Vinh quang của thánh nhan Người, là sự sống đối với người công chính, sẽ là lửa thiêu đốt đối với kẻ gian ác. Vì tình yêu bị khước từ, ân sủng bị khinh chê, kẻ tội lỗi sẽ bị tiêu diệt.

“Bằng nhiều minh họa và những lời cảnh báo lặp đi lặp lại, Chúa Giê-su cho thấy kết cục nào sẽ đến trên dân Do Thái khi họ khước từ Con Đức Chúa Trời. Qua những lời này, Ngài phán với mọi người thuộc mọi thời đại là những kẻ từ chối tiếp nhận Ngài làm Đấng Cứu Chuộc của mình. Mỗi lời cảnh báo đều dành cho họ. Đền thờ bị làm ô uế, người con bất tuân, bọn tá điền gian ác, những người thợ xây khinh miệt — tất cả đều có sự tương ứng trong kinh nghiệm của mọi tội nhân. Nếu không ăn năn, án phạt mà những điều ấy báo trước sẽ đến trên người ấy.”  
Nguyễn Ước Thời Đại, 600.

Khi Phao-lô xác định sự chuyển đổi từ nghĩa đen sang thuộc linh, ông cho biết rằng điều đó diễn ra trong thời kỳ của thập tự giá, và cần lưu ý rằng sự hủy diệt Giê-ru-sa-lem có liên hệ trực tiếp với thập tự giá. Sự hủy diệt Giê-ru-sa-lem theo nghĩa đen, vốn lần đầu được thực hiện bởi Ba-by-lôn theo nghĩa đen, đã được thực hiện lần cuối bởi La Mã theo nghĩa đen, vì Chúa Giê-xu luôn bày tỏ sự kết thúc ngay từ ban đầu. Việc giày đạp đền thánh và đạo binh bắt đầu với quyền lực ngoại giáo của Ba-by-lôn, đã kết thúc với quyền lực ngoại giáo của La Mã.

Sự giày xéo thuộc linh đối với Giê-ru-sa-lem thuộc linh đã do La Mã giáo hoàng thực hiện, và cả hai thời kỳ giày xéo ấy (nghĩa đen và thuộc linh) đều tiêu biểu cho sự giày xéo dân Đức Chúa Trời bởi quyền lực gây hoang tàn thứ ba, mà theo La Mã được gọi là La Mã hiện đại.

Có ba quyền lực gây hoang tàn, mỗi quyền lực đều bức hại dân của Đức Chúa Trời. Đó là con rồng của ngoại giáo, tiếp đến là con thú từ biển của Công giáo, và sau đó là con thú từ đất là Hoa Kỳ (tiên tri giả). Ngoại giáo được đại diện bởi nhiều quyền lực ngoại giáo đã giày xéo Israel theo nghĩa

đen. Chủ nghĩa giáo hoàng sau đó đã giày xéo Israel thuộc linh trong 1.260 năm, từ năm 538 đến năm 1798. Sự liên minh ba bên của con rồng, con thú và tiên tri giả là Rôma hiện đại, và nó cũng giày xéo dân của Đức Chúa Trời trong "giờ" khủng hoảng luật ngày Chủ nhật. Ba quyền lực gây hoang tàn là con rồng, con thú và tiên tri giả cũng được biểu trưng là Rôma ngoại giáo, Rôma giáo hoàng và Rôma hiện đại.

Theo Khải Huyền 17, ngoại giáo là bốn vị vua đầu tiên, vị vua thứ năm là chế độ giáo hoàng, và các vị vua thứ sáu, thứ bảy và thứ tám là liên minh ba bên của Rôma hiện đại.

Và có bảy vua: năm đã sa ngã, một hiện còn, và một thì chưa đến; khi người ấy đến, người ấy chỉ ở ít lâu. Còn con thú đã có mà nay không có, chính nó là vua thứ tám; nó thuộc về bảy và đi đến chỗ hư mất. Khải Huyền 17:10, 11.

Theo chương 2 của sách Đa-ni-ên, ngoại giáo là toàn bộ bốn vương quốc từ Ba-by-lôn lịch sử đến Rô-ma lịch sử. Ba-by-lôn thuộc linh là giáo quyền Giáo hoàng (cái đầu bằng vàng), và liên minh ba phần của con rồng, con thú và tiên tri giả (Rô-ma hiện đại) được tượng trưng bởi liên minh ba phần của Mê-đi Ba Tư thuộc linh, Hy Lạp thuộc linh và Rô-ma thuộc linh (vết thương chí tử của nó đã được chữa lành).

Khi Chúa Giê-xu nhắc đến “sự ghê tởm gây hoang tàn, như đã nói bởi tiên tri Đa-ni-ên,” Ngài đang xác định một “dấu hiệu” cụ thể mà các Cơ Đốc nhân phải nhận ra trong cả ba Rô-ma. Rô-ma ngoại giáo, Rô-ma giáo hoàng và Rô-ma hiện đại đều bách hại dân của Đức Chúa Trời. Sự bách hại ấy được miêu tả theo ngôn ngữ tiên tri như là sự giày đạp đền thánh và đạo binh. Chúa Giê-xu đã đưa ra lời cảnh báo về sự đến gần của cuộc bách hại ấy cho từng trong ba thời kỳ bách hại. Khi “dấu hiệu” về uy quyền của Rô-ma được đặt trong đền thánh, thì thời điểm phải chạy trốn khỏi Giê-ru-sa-lem đã đến. Chúa Giê-xu không dùng cách diễn đạt “sự ghê tởm gây hoang tàn” của Đa-ni-ên như một biểu tượng cho một quyền lực trần thế, mà như một biểu tượng cho dấu hiệu mà các Cơ Đốc nhân cần phải nhận ra.

Chúa Giê-su đã nói cho các môn đệ đang lắng nghe biết những sự phán xét sẽ giáng trên Israel bội đạo, và đặc biệt là sự báo oán sẽ đến trên họ vì họ đã khước từ và đóng đinh Đấng Mê-si. Những dấu hiệu không thể làm lẫn sẽ xuất hiện trước cao trào khủng khiếp ấy. Giờ kinh khiếp ấy sẽ đến cách bất ngờ và mau lẹ. Và Đấng Cứu Thế đã cảnh báo những người theo Ngài: 'Vậy khi các ngươi thấy sự gớm ghiếc gây hoang tàn, mà tiên tri Đa-ni-ên đã nói, đứng trong nơi thánh (ai đọc, hãy hiểu), thì những người ở Giu-đê hãy trốn lên núi.' Ma-thi-ơ 24:15, 16; Lu-ca 21:20, 21. Khi những cờ hiệu thờ hình tượng của người La Mã được dựng lên trên vùng đất thánh, vốn kéo dài ra ngoài tường thành một quãng, thì những người theo Đấng Christ phải tìm sự an toàn bằng cách chạy trốn. Khi dấu hiệu cảnh báo xuất hiện, những ai muốn thoát nạn không được chậm trễ. Khắp xứ Giu-đê, cũng như ngay trong thành Giê-ru-sa-lem, tín hiệu cho việc chạy trốn phải được vâng theo tức khắc. Ai tình cờ đang ở trên mái nhà thì chớ xuống vào nhà mình, dù để cứu lấy những của cải quý giá nhất. Những người đang làm việc ngoài đồng ruộng hay vườn nho không được quay về lấy áo choàng đã cởi ra khi họ lao động trong cái nóng của ban ngày. Họ không được do dự một khoảnh khắc nào, kéo bị cuốn vào sự tàn phá chung. Cuộc Đại Tranh Chiến, 25.

Trong đoạn văn, Bà White xác định “sự góm ghiếc tàn phá” như một “dấu hiệu không thể nhầm lẫn”, được biểu trưng bởi “các tiêu kỳ thờ hình tượng của người La Mã”, mà họ đã dựng “trên đất thánh” của đền thờ. Chúa Giê-su không dùng “sự góm ghiếc tàn phá” để đại diện cho quyền lực của La Mã ngoại giáo hay La Mã giáo hoàng, mà như một “dấu hiệu”. Khi “dấu hiệu” được dựng trên đất thánh của đền thờ, các tín hữu Cơ Đốc phải chạy trốn khỏi Giê-ru-sa-lem “kẻo họ bị cuốn vào sự hủy diệt chung”. Bà White còn đi xa hơn ở phần sau của cùng đoạn văn và cho biết rằng lời tiên tri của Đấng Christ về sự hủy diệt có hơn một lần ứng nghiệm.

Lời tiên tri của Cứu Chúa về sự thăm viếng bằng những án phạt giáng trên Giê-ru-sa-lem sẽ còn có một sự ứng nghiệm khác, mà cảnh hoang tàn khủng khiếp ấy chỉ là một bóng mờ. Trong số phận của thành được chọn, chúng ta có thể thấy án phạt của một thế giới đã khước từ lòng thương xót của Đức Chúa Trời và chà đạp luật pháp của Ngài. Những trang sử về nỗi khốn khổ của nhân loại mà trần gian đã chứng kiến trong suốt bao thế kỷ dài đầy tội ác thật u ám. Lòng người đau xót, trí óc rã rời khi suy ngẫm. Thật kinh khiếp thay những hậu quả của việc khước từ thẩm quyền của Thiên Đàng. Nhưng một cảnh tượng còn u tối hơn nữa được bày tỏ trong những khái thị về tương lai. Những ghi chép của quá khứ, chuỗi dài những hỗn loạn, xung đột và cách mạng, “trận chiến của chiến sĩ ... với tiếng ồn hỗn loạn, và những áo xống thấm đẫm máu” (Ê-sai 9:5),—tất cả những điều ấy là gì so với nỗi kinh hoàng của ngày đó khi Thánh Linh kiểm chế của Đức Chúa Trời sẽ hoàn toàn rút khỏi kẻ ác, không còn kìm hãm được sự bộc phát của dục vọng loài người và cơn thịnh nộ của Sa-tan! Bấy giờ thế gian sẽ chứng kiến, như chưa từng có bao giờ, những hậu quả của sự thống trị của Sa-tan.

Nhưng trong ngày ấy, như vào thời kỳ Giê-ru-sa-lem bị hủy diệt, dân của Đức Chúa Trời sẽ được giải cứu, hết thảy những ai được thấy có tên ghi trong số những người sống. Ê-sai 4:3. Đấng Christ đã phán rằng Ngài sẽ đến lần thứ hai để nhóm lại những người trung tín của Ngài về cùng Ngài: “Bấy giờ muôn chi phái trên đất sẽ than khóc, và họ sẽ thấy Con Người đến trên các đám mây trên trời với quyền năng và vinh quang lớn lao. Ngài sẽ sai các thiên sứ của Ngài với tiếng kèn lớn, và họ sẽ nhóm hiệp những người được chọn của Ngài từ bốn phương, từ đầu này cho đến đầu kia của trời.” Ma-thi-ơ 24:30, 31. Bấy giờ những kẻ không vâng theo Tin Lành sẽ bị tiêu diệt bởi hơi thở từ miệng Ngài và bị hủy diệt bởi sự chói sáng của sự giáng lâm Ngài. 2 Tê-sa-lô-ni-ca 2:8. Như Y-sơ-ra-ên thuở xưa, kẻ ác tự hủy diệt mình; họ gục ngã bởi tội ác của mình. Bởi một đời sống tội lỗi, họ đã tự đặt mình ra ngoài sự hòa hợp với Đức Chúa Trời, bản tính họ đã trở nên quá bại hoại bởi điều ác, đến nỗi sự bày tỏ vinh quang của Ngài đối với họ là ngọn lửa thiêu đốt.

Mọi người hãy coi chừng, kéo xem nhẹ bài học được truyền dạy cho họ trong lời của Đấng Christ. Như Ngài đã cảnh báo các môn đồ về sự hủy diệt của Giê-ru-sa-lem, ban cho họ một dấu hiệu về tai họa sắp đến để họ có thể thoát nạn; thì Ngài cũng đã cảnh báo thế gian về ngày hủy diệt cuối cùng và ban cho họ những dấu chỉ báo trước, để hết thảy ai muốn đều có thể chạy trốn khỏi cơn thịnh nộ sắp đến. Chúa Giê-xu phán: “Sẽ có các dấu hiệu trong mặt trời, mặt trăng và các ngôi sao; và trên đất, các dân tộc sẽ lâm vào cảnh khốn quẫn.” Lu-ca 21:25; Ma-thi-ơ 24:29; Mác 13:24-26; Khải Huyền 6:12-17. Những ai chứng kiến những điềm báo về sự đến của Ngài phải “biết rằng điều ấy đã gần, ở ngay trước cửa.” Ma-thi-ơ 24:33. “Vậy hãy tỉnh thức,” là lời Ngài khuyên bảo. Mác 13:35. Những ai lưu tâm đến lời cảnh báo sẽ không bị bỏ lại trong bóng tối để ngày ấy ập đến cách bất ngờ. Nhưng đối với những kẻ không chịu tỉnh

thức, “ngày của Chúa sẽ đến như kẻ trộm trong ban đêm.” 1 Tê-sa-lô-ni-ca 5:2-5. Cuộc Đại Tranh Chiến, 36, 37.

Khi bà White viết những lời này, vẫn còn một sự ứng nghiệm trong tương lai về sự hủy diệt của Giê-ru-sa-lem. Sự phán xét báo ứng được thi hành chống lại La Mã hiện đại (con rồng, con thú và tiên tri giả) vào thời kỳ cuối cùng, tượng trưng cho sự sụp đổ cuối cùng của Ba-by-lôn thuộc linh, nhưng Ba-by-lôn thuộc linh (giáo hoàng chế) đã sụp đổ một lần vào năm 1798. Sự hủy diệt của Giê-ru-sa-lem tượng trưng cho sự phán xét báo ứng của Đức Chúa Trời giáng trên một hội thánh bội đạo.

Sự tàn phá Giê-ru-sa-lem trong ba năm rưỡi, từ năm 66 sau Công nguyên đến năm 70 sau Công nguyên, tiêu biểu cho sự hủy diệt do án phạt báo ứng của Đức Chúa Trời vào thời tận thế giáng xuống La Mã hiện đại (con rồng, con thú và tiên tri giả). Cuộc vây hãm và tàn phá Giê-ru-sa-lem, do các thế lực ngoại giáo tiến hành từ năm 66 đến năm 70 sau Công nguyên, kéo dài đúng ba năm rưỡi.

Cuộc vây hãm và tàn phá Giê-ru-sa-lem thuộc linh do chủ nghĩa giáo hoàng thực hiện kéo dài ba năm rưỡi theo nghĩa tiên tri, từ năm 538 đến năm 1798. Hai minh họa đó tiêu biểu cho cuộc vây hãm và tàn phá Giê-ru-sa-lem trong “giờ” của cuộc khủng hoảng luật Chúa nhật do Rô-ma hiện đại gây ra. Sự tàn phá cuối cùng trong ba lần tàn phá Giê-ru-sa-lem được đảo ngược, như được trình bày trong sách Đa-ni-ên.

Sách Đa-ni-ên mở đầu bằng việc Ba-by-lôn chinh phục và hủy diệt Giê-ru-sa-lem, và kết thúc bằng sự diệt vong của Ba-by-lôn và chiến thắng của Giê-ru-sa-lem. Trong mỗi một trong ba trận chiến, có một dấu hiệu được ban cho các Kitô hữu để báo cho họ biết phải chạy trốn khỏi cuộc chiến sắp tới. Vào năm 66 SCN, đó là khi các đạo quân La Mã ngoại giáo dựng các tiêu kỳ (các lá cờ chiến trận của họ) trên đất thánh của đền thờ. Năm 538, “người của tội ác” được bày tỏ: ông ta ngồi trong đền thờ của Thiên Chúa (Giáo hội Kitô giáo), tự cho mình là Thiên Chúa, và trong năm ấy đã ban hành một luật về ngày Chủ nhật tại Công đồng Orleans. Việc cưỡng bách giữ ngày Chủ nhật là điều mà giáo quyền giáo hoàng xem là bằng chứng về thẩm quyền của họ đối với thế giới Kitô giáo, vì họ lập luận (đúng vậy) rằng trong Lời của Thiên Chúa không có sự ủng hộ nào cho việc thờ phượng vào ngày Chủ nhật, và việc họ đã thiết lập ngày Chủ nhật làm ngày thờ phượng trong Kitô giáo là bằng chứng rằng thẩm quyền của các truyền thống và phong tục ngoại giáo của họ vượt trên Kinh Thánh.

Vào năm 538, các Cơ Đốc nhân phải tách ra khỏi Giáo hội La Mã, không chỉ vì đó không thật sự là một Giáo hội Cơ Đốc, mà còn vì dấu hiệu của quyền bính giáo hoàng đã được đặt trong nơi thánh của Hội Thánh của Đức Chúa Trời. Bà White xác định quá trình tách biệt trong giai đoạn lịch sử ấy, vốn khởi đầu thời kỳ khi Hội Thánh của Đức Chúa Trời phải lánh vào đồng vắng suốt một nghìn hai trăm sáu mươi năm.

Nhưng giữa hoàng tử của sự sáng và hoàng tử của bóng tối không có sự hiệp nhất, và giữa những người theo họ cũng không thể có sự hiệp nhất. Khi các tín hữu Cơ Đốc chấp thuận hiệp nhất với những người chỉ mới cải đạo nửa vời khỏi ngoại giáo, họ đã bước vào một con đường dẫn họ ngày càng xa rời lẽ thật. Sa-tan hả hê vì đã thành công trong việc lừa dối một số lượng

rất lớn những người theo Đấng Christ. Sau đó hắn vận dụng quyền lực của mình trên những người này mạnh mẽ hơn nữa, và xúi giục họ bách hại những ai vẫn trung thành với Đức Chúa Trời. Không ai hiểu rõ cách chống đối đức tin Cơ Đốc chân chính bằng chính những người đã từng bảo vệ nó; và những Cơ Đốc nhân bội đạo này, liên kết với những người bạn còn nửa ngoại giáo của họ, đã hưởng cuộc chiến của mình chống lại những điểm cốt yếu nhất trong các giáo lý của Đấng Christ.

Để những ai quyết giữ lòng trung tín có thể đứng vững trước những sự lừa dối và điều ghê tởm được nguy trang dưới lớp áo giáo sĩ và đưa vào giáo hội, đã cần một cuộc đấu tranh quyết liệt. Kinh Thánh không được chấp nhận làm tiêu chuẩn đức tin. Giáo lý về tự do tôn giáo bị coi là tà giáo, và những người ủng hộ nó bị căm ghét và bị căm đoán.

"Sau một cuộc xung đột lâu dài và khốc liệt, số ít người trung tín quyết định cắt đứt mọi liên hệ với hội thánh bội đạo nếu hội thánh ấy vẫn từ chối tự giải thoát khỏi sự giả dối và thờ hình tượng. Họ nhận thấy rằng sự tách biệt là điều tuyệt đối cần thiết nếu họ muốn vâng theo lời Đức Chúa Trời. Họ không dám dung túng những sai lầm chí tử cho chính linh hồn mình, và nêu một tấm gương có thể khiến đức tin của con cái họ và con cháu họ lâm nguy. Để bảo đảm hòa bình và hiệp nhất, họ sẵn sàng đưa ra mọi nhượng bộ miễn là vẫn phù hợp với lòng trung thành đối với Đức Chúa Trời; nhưng họ cho rằng ngay cả hòa bình cũng là cái giá quá đắt nếu phải mua bằng sự hy sinh nguyên tắc. Nếu sự hiệp nhất chỉ có thể đạt được bằng sự thỏa hiệp với lẽ thật và sự công chính, thì thà có sự chia rẽ, thậm chí là chiến tranh." Đại Tranh Chiến, 45.

Chúng tôi sẽ tiếp tục mạch suy nghĩ này trong bài viết tiếp theo.

Cõi vĩnh hằng trải dài trước mắt chúng ta. Bức màn sắp được vén lên. Chúng ta, những người đang ở trong vị trí trang nghiêm, đầy trách nhiệm này, đang làm gì, đang nghĩ gì, mà lại bám víu vào tình yêu an nhàn ích kỷ của mình, trong khi các linh hồn đang hư mất xung quanh chúng ta? Chẳng lẽ lòng dạ chúng ta đã trở nên hoàn toàn chai đá? Chúng ta chẳng thể cảm nhận hay hiểu rằng mình có một công việc phải làm vì sự cứu rỗi của người khác sao? Hỡi anh em, anh em có phải thuộc hạng người có mắt mà không thấy, có tai mà không nghe chẳng? Lẽ nào việc Đức Chúa Trời ban cho anh em sự hiểu biết về ý muốn của Ngài lại là vô ích sao? Lẽ nào Ngài đã gửi đến anh em hết lời cảnh báo này đến lời cảnh báo khác chỉ là vô ích sao? Anh em có tin những lời tuyên bố của chân lý vĩnh cửu về những điều sắp giáng trên đất không, anh em có tin rằng các sự phán xét của Đức Chúa Trời đang treo lơ lửng trên dân chúng không, và vậy mà anh em vẫn có thể ngồi yên, an nhàn, biếng nhác, hờ hững, yêu chuộng sự khoái lạc sao?

Bây giờ không phải là lúc dân sự của Đức Chúa Trời đặt lòng mến hay tích lũy của cải ở thế gian. Ngày ấy chẳng còn xa, khi, như các môn đồ thuở ban đầu, chúng ta sẽ bị buộc phải tìm nơi ẩn náu ở những chốn hoang vu và cô tịch. Cũng như cuộc vây hãm Giê-ru-sa-lem bởi quân đội La Mã đã là tín hiệu cho các Cơ Đốc nhân Giu-đêa chạy trốn, thì việc quốc gia chúng ta tở quyền lực qua sắc lệnh cưỡng bách giữ ngày sa-bát của Giáo hoàng sẽ là lời cảnh báo cho chúng ta. Khi ấy sẽ là lúc rời các thành phố lớn, để chuẩn bị rời cả những thành nhỏ, tìm đến những mái nhà ẩn dật nơi chốn hẻo lánh giữa núi non. Và bây giờ, thay vì tìm kiếm những chỗ ở đắt tiền tại đây, chúng ta nên chuẩn bị dời đến một quê hương tốt hơn, tức là thiên quốc.

Thay vì tiêu xài phương tiện của mình cho sự thỏa mãn bản thân, chúng ta nên học cách tiết kiệm. Mọi tài năng được Đức Chúa Trời cho mượn đều nên được dùng cho vinh quang của Ngài trong việc đem lời cảnh báo đến thế giới. Đức Chúa Trời có một công việc dành cho các cộng sự của Ngài trong các thành phố. Các công cuộc truyền giáo của chúng ta phải được duy trì; những công cuộc mới phải được mở ra. Để đẩy mạnh công việc này cách thành công sẽ đòi hỏi một khoản chi không nhỏ. Cần có nhà thờ, để người ta có thể được mời đến nghe những lễ thật cho thời điểm này. Chính vì mục đích này, Đức Chúa Trời đã ủy thác một vốn liếng cho các quản gia của Ngài. Đừng để tài sản của anh em bị trói buộc trong các doanh nghiệp thế tục, khiến công việc này bị cản trở. Hãy đặt tài sản của anh em ở nơi anh em có thể sử dụng nó vì lợi ích của sự nghiệp của Đức Chúa Trời. Hãy gửi kho báu của anh em lên trời trước.

Testimonies, quyển 5, 464.